

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/7/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Miên, Ông Lê Đình Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Trung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/7/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lâm T, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

- Bị đơn: Anh Ninh Đức T, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Lâm T, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn, chị Hoàng Thị C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ninh Đức T có trải qua thời gian tìm hiểu 01 tháng và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Ph huyện Chư P, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/02/2008.

Sau khi kết hôn, chị và anh T sống chung với nhau tại xã Ia D, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống chị và anh T hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, đề dóm dẫn đến phải bán hết tài sản để trả nợ. Ngoài ra, anh T còn nhiều lần đánh đập, nên chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Anh T còn hành hung dùng dao đâm chém chị khiến chị phải nhập viện điều trị. Chị và anh T thực sự không còn tình cảm với nhau nữa, không thể trở về đoàn tụ vợ chồng được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung gồm: Ninh Đức T, sinh ngày 15/10/2008, Ninh Thị D, sinh ngày 16/9/2011 và Ninh Thị D, sinh ngày 25/7/2016. Hiện các cháu đang sống cùng chị.

Cháu D bị khuyết tật và bị bệnh tim bẩm sinh đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội, cháu D thì quá nhỏ và lại là con gái nên chị đề nghị được nuôi cả 02 cháu. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng. Còn cháu T chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

Nghề nghiệp của chị hiện nay là làm công nhân của Công ty điện tử ở Bình Dương, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000đ. Còn anh T thì làm nông, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Ninh Đức T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị C trải qua tìm hiểu khoảng 01 năm. Đến ngày 30/02/2008, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Ph huyện Chư P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Anh thừa nhận, trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân là do bản thân anh chơi bời cờ bạc dẫn đến bán hết nhà cửa, nương rẫy. Ngoài ra, anh thừa nhận cũng có đánh đập vợ con. Còn vợ anh thì có biểu hiện ngoại tình với người khác, anh nói với vợ nhiều lần nhưng vợ không nghe. Bản thân anh cũng rất hối lỗi về những việc mình đã làm. Anh vẫn còn yêu thương vợ con nên vợ anh xin ly hôn, anh không nhất trí, anh mong muốn Tòa án cho vợ chồng anh được trở về đoàn tụ để cùng nhau làm ăn, nuôi con khôn lớn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên: Ninh Đức T, sinh ngày 15/10/2008; Ninh Thị D, sinh ngày 16/9/2011 và Ninh Thị D, sinh ngày 25/7/2016. Hiện cả ba cháu đang sống cùng với chị C. Cháu D là trẻ khuyết tật, cháu bị câm điếc bẩm sinh và bị bệnh tim từ nhỏ. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh nhất trí nuôi cháu T, giao cháu D và cháu D cho chị C nuôi dưỡng. Anh nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu D và cháu D mức 1.000.000đ/con/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ

- 01 Sổ hộ khẩu (photo chứng thực);
- 01 chứng minh nhân dân (photo chứng thực); 01 Giấy khai sinh (pho to)
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- 03 Giấy khai sinh (photo chứng thực);
- 01 Quyết định về việc trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (photo chứng thực);

Tại phiên tòa:

* Anh T trình bày, không chấp nhận ly hôn, nếu Tòa giải quyết ly hôn thì anh xin được nuôi dưỡng cả 03 con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

* Kiểm sát viên phát biểu:

-Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều thực hiện bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-Về nội dung giải quyết vụ án:

+Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân - Gia đình. Xử cho chị C được ly hôn với anh T. Giao 02 cháu Ninh Thị D và Ninh Thị D cho chị C nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu D và cháu D mức 1.000.000đ/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2020.

+Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh T đều thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không đề cập xử lý.

+Về án phí: Đề nghị buộc chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ để nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:Chị Hoàng Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Ninh Đức T. Yêu cầu khởi kiện của chị C thuộc trường hợp quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn chị Hoàng Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nguyên nhân tranh chấp và yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị C và anh T có trải qua thời gian yêu thương, tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Ph huyện Chư P, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/02/2008. Quá trình chung sống giữa chị C và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị C trình bày do anh T chơi cờ bạc, lơ đãng dẫn đến phải bán hết tài sản nhà cửa, anh T còn đánh đập chị, còn anh T thừa nhận có chơi bài bạc, dẫn đến bán hết nhà cửa, nương rẫy, ngoài ra anh còn nhận thấy chị C có biểu hiện ngoại tình với người khác. Hiện hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nên chị C cương quyết ly hôn không chấp nhận trở về đoàn tụ, còn anh T không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của các đương sự đã thực sự trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014, cần tuyên xử cho chị C được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Chị Hoàng Thị C và anh Ninh Đức T công nhận có 03 con chung là Ninh Đức T, sinh ngày 15/10/2008; Ninh Thị D, sinh

ngày 16/9/2011 và Ninh Thị D, sinh ngày 25/7/2016. Hiện cả ba cháu đang sống cùng với chị C.

Nguyên vọng của cháu T được ở với anh T nuôi dưỡng. Cháu D thì bị khuyết tật bẩm sinh, cháu D còn nhỏ. Theo nguyên vọng của chị C và anh T và nguyên vọng của cháu T. Hội đồng xét xử xét cần giao cháu D và D cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D và cháu D ở mức 1.000.000đ/con/tháng tính từ tháng 7/2020 là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh T đều thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, căn buộc chị C chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn và buộc anh T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 246, 264 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Ninh Đức T.

2. Giao các cháu Ninh Thị D và Ninh Thị D cho chị Hoàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng,

3. Giao cháu Ninh Đức T cho anh Ninh Đức T trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Anh Ninh Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D và cháu D mức 1.000.000đ/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2020 cho đến khi các cháu D, D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị C, anh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được ngăn cản.

Chị C, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

5. Buộc chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002516 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

6. Buộc anh Ninh Đức T phải chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia P;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh